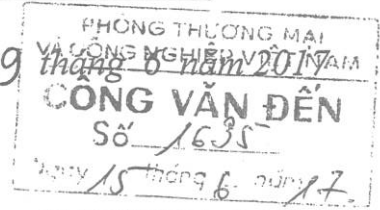


Số: 4260/KH-UBND

Vinh Phúc, ngày 09



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/09/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vinh Phúc năm 2017

Năm 2016, kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Vinh Phúc xếp vị trí thứ 9, giảm 5 bậc so với năm 2015 trong đó có một số chỉ số thành phần giảm mạnh cả về thứ hạng và điểm số như chỉ số tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng. Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số giải pháp cơ bản cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vinh Phúc giai đoạn 2016-2021 và Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vinh Phúc giai đoạn 2016-2020, trong năm 2017 trên phạm vi toàn tỉnh, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện Nghị Quyết và Đề án vào thực tiễn; phát huy tính chủ động, xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hình ảnh của tỉnh Vinh Phúc trong cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo động lực cho thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội năm 2017 và các năm tiếp theo.

- Xác định vai trò và tầm quan trọng của Cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh đối với thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh thật sự thông thoáng, công khai minh bạch, thân thiện trên cơ sở quy định của Nhà nước để vận dụng vào điều kiện thực tế của tỉnh và có sự đột phá;

- Nhằm cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng, thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/09/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số giải pháp cơ bản cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vinh Phúc giai đoạn 2016-2021 và Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vinh Phúc giai đoạn 2016-2020;

- Đề ra được những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thực hiện cải thiện môi trường đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vinh Phúc năm 2017;

nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư và phát triển doanh nghiệp góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra đưa Vĩnh Phúc trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch của vùng và cả nước.

2. Yêu cầu

- Các nội dung của Kế hoạch phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/09/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số giải pháp cơ bản cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021 và Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020;

- Đề ra được những mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, vận dụng sáng tạo, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành địa phương và đưa ra được những giải pháp cụ thể mang tính khả thi.

- Chủ động nghiên cứu các cơ chế, chính sách của Trung ương, thực tiễn tại địa phương để triển khai thực hiện có hiệu quả đồng thời đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách mới để vận dụng vào điều kiện thực tế của tỉnh và có sự đột phá.

- Đảm bảo duy trì chỉ số PCI một cách bền vững thuộc nhóm 10 địa phương có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước, tiếp tục điềm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đề ra các giải pháp nâng cao thứ hạng của các chỉ số thành phần đặc biệt là các chỉ số chi phí thời gian; Tiếp cận đất đai; Gia nhập thị trường; Cạnh tranh bình đẳng.

- Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết và Đề án được triển khai đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp, tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ công chức về ý nghĩa, tầm quan trọng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; về trách nhiệm của các cấp, các ngành và cán bộ, công chức, viên chức trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp quốc gia. Có sự liên hệ chặt chẽ giữa việc cải thiện chỉ số PCI với những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia coi đây nhiệm vụ chính trị hàng đầu cần ưu tiên tập trung thực hiện.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường vai trò của các cấp ủy, chính quyền các cấp và cán bộ, công chức, viên chức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh

- Phát huy vai trò người đứng đầu, trách nhiệm của người thừa hành công vụ trong cơ quan đơn vị, đánh giá kết quả bình xét hàng năm với việc hoàn thành nhiệm vụ với cán bộ, công chức, viên chức, kể cả lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức thiết lập hệ thống tiếp nhận, xử lý kiến nghị và giải quyết thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp phản ánh về chính sách, thủ tục hành

chính và thái độ thực thi công vụ. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải trình và giải quyết các kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả triển khai thực hiện Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; kết quả thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 -2017, định hướng đến năm 2020 và Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức các cấp, các ngành về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành. Tạo sự chuyển biến trong tư duy “nói đi đôi với làm”.

- Triển khai có hiệu quả Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2013-2020. Rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh giản biên chế, bố trí đúng người đúng việc. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn và yêu cầu của sự phát triển.

2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

- Giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính: Các sở ngành, địa phương lấy cải cách hành chính làm khâu đột phá, trong đó tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế, hải quan... giảm thiểu thời gian, chi phí không chính thức trong giải quyết thủ tục hành chính với trọng tâm là thực hiện tốt một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính. Cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp, nhất là hệ thống biểu mẫu, quy trình hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính để đăng tải tại bộ phận một cửa, cổng thông tin điện tử của tỉnh và của các cơ quan, đơn vị. Phấn đấu giảm từ 30-50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định chung.

- Công khai minh bạch thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và website của các sở, ngành, địa phương: Công khai các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, các đồ án, quy hoạch xây dựng của tỉnh, nhất là quy hoạch về đô thị, giao thông, điện, nước; quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch dịch vụ kèm theo các thông tin về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các chính sách như tiền thuê đất, tiền thuê hạ tầng theo quy hoạch của từng dự án. Công khai việc cho thuê đất, đấu giá đất và các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các loại hình dự án, vùng dự án theo quy định.

- Hiện đại hóa nền hành chính: Triển khai xây dựng chính quyền điện tử theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nhân lực công nghệ thông tin, để thực hiện thủ tục hành chính qua mạng.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; văn hóa giao tiếp ứng xử: Quan tâm đến đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong đó tập trung đào tạo kỹ năng XTĐT, các chính sách mới về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, lao động, hội nhập kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do (FTA); trình độ ngoại ngữ, năng lực tổ chức hội nghị, hội thảo, cho cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Xây dựng văn hóa ứng xử và tinh thần làm việc thân thiện, tôn trọng, hợp tác trách nhiệm trong giao tiếp với doanh nghiệp và tổ chức cá nhân. Quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức luôn có thái độ tận tâm, tâm huyết, sáng tạo, đồng hành cùng doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính và hỗ trợ doanh nghiệp. Bố trí cán bộ đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

3. Đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 14/01/2013 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về phá triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đến năm 2020; Quyết định số 03-QĐ/BCĐ ngày 15/8/2016 của Ban Chỉ đạo XTĐT và PTDN tỉnh Vĩnh Phúc; Kế hoạch hành động số 3892/KH-UBND ngày 14/6/2016 và Kế hoạch hành động số 2111/KH-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19 năm 2016 và năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Chương trình hành động số 4324/CTHĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của VCCI triển khai hiệu quả thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2016-2020 và cam kết về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Gắn việc cải thiện, nâng cao chỉ số PCI với việc nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án.

- Duy trì việc tổ chức khảo sát, đánh giá phản hồi của doanh nghiệp trong năm 2017 đối với các cơ chế, chính sách của tỉnh, sự năng động, sáng tạo và thái độ công tác của các sở, ban, ngành và địa phương để công bố rộng rãi. Kịp thời phát hiện các đơn vị nào có cá nhân bị phản ánh nhiều hoặc phát hiện có những biểu hiện tiêu cực, sách nhiễu, phiến hà, gây khó khăn cho doanh nghiệp nhằm tư lợi, làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh của tỉnh để có biện pháp xử lý nghiêm.

- Tiếp tục tăng cường công tác đối thoại giữa doanh nghiệp với chính quyền, để lắng nghe phản ánh những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, Lãnh đạo UBND tỉnh, sở, ngành, huyện thị, thành duy trì lịch làm việc trực tiếp với doanh nghiệp để trực tiếp chỉ đạo giải quyết những khó khăn vướng mắc trong thời gian sớm nhất. Mở rộng thêm các hình thức và kênh đối thoại khác, phát huy hiệu quả hoạt động Công thông tin đối thoại doanh nghiệp- chính quyền.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa” và một cửa liên thông” duy trì đường dây nóng nhằm giải đáp những vướng mắc của cá nhân/doanh nghiệp; Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, tăng cường công tác phối hợp để nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chủ động và phối hợp trong thực thi nhiệm vụ để thực hiện tốt 10 cam kết của tỉnh nhằm tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp.

4. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đầu tư và phát triển doanh nghiệp của tỉnh

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả một số chính sách mới của tỉnh nhằm tạo ra sự đột phá trong thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp như: Nghị quyết số 202/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; đồng thời hỗ trợ kinh phí dồn ghép ruộng đất, kinh phí hướng dẫn nông dân sản xuất sản phẩm sạch, quảng bá tại các điểm tiêu thụ sản phẩm,...; Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND Về việc ban hành một số biện pháp hỗ trợ đặc thù cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện quy hoạch các Khu đô thị du lịch, dịch vụ chất lượng cao tại các vùng khó chuyển đổi kinh tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021;...

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp

- Sắp xếp lại các trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường, trung tâm dạy nghề theo hướng đảo bảo nguồn nhân lực, chất lượng nguồn nhân lực. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề từng bước hiện đại. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo hướng chuẩn hóa cho các trường, cơ sở dạy nghề.

- Thực hiện quyền tự chủ có điều kiện cho các trường, cơ sở dạy nghề để đảm bảo tính chủ động và nâng cao trách nhiệm các cơ sở đào tạo nghề. Có cơ chế gắn kết giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp để đảm bảo chất lượng dạy nghề theo yêu cầu doanh nghiệp và tiếp nhận đầu ra cho người học sau khi đào tạo nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí đào tạo, chi phí tuyển dụng của doanh nghiệp. Thông tin công khai mạng lưới đào tạo nghề có đủ năng lực đào tạo theo từng ngành nghề trên địa bàn.

- Thực hiện khảo sát đánh giá đúng thực tế nhu cầu dạy nghề và giải quyết việc làm. Nâng cao hiệu quả hoạt động của dịch vụ giới thiệu việc làm thị trường lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sàn giao dịch giới thiệu việc làm của tỉnh. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin thị trường lao động.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung về quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực được nêu trong Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2011-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó chú

trọng lực lượng lao động sẵn có và lực lượng lao động dự bị, đáp ứng được yêu cầu hiện tại, đồng thời phù hợp với định hướng ưu tiên phát triển các ngành sử dụng công nghệ cao, trình độ cao. Chương trình đào tạo cần nghiên cứu xây dựng và phát triển trên cơ sở nhu cầu lao động của từng ngành kinh tế, tập trung vào chương trình dạy nghề, giúp phân nào giảm gánh nặng cho doanh nghiệp.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào cơ sở dạy nghề, đặc biệt là những doanh nghiệp đã có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực.

- Tăng cường thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về lao động, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chính sách về lao động đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động. Nắm bắt tình hình, diễn biến về cung cầu lao động và tình hình tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, hỗ trợ các doanh nghiệp tuyển dụng lao động trong đó cơ quan quản lý nhà nước là cầu nối với các địa phương và các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về lao động nhằm giảm thiểu tình trạng đình công, lãn công không đúng quy định của pháp luật.

6. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện các quy hoạch đã phê duyệt, trọng điểm là quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc, quy hoạch kết nối giao thông liên vùng, khu du lịch lớn, quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng kết nối hạ tầng đồng bộ, hiện đại để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xây dựng cơ chế ưu đãi để thu hút nguồn vốn, nhà đầu tư (theo hướng xã hội hóa) để xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu vực trọng điểm, có lợi thế để phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao nhằm thu hút đầu tư. Ưu tiên nguồn vốn tập trung để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào khu vực dự án có quy mô lớn, chất lượng cao, nhà đầu tư cam kết triển khai dự án nhanh. Triển khai có hiệu quả cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp theo Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu của các cơ quan đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong việc triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. Nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến đầu tư theo hướng xúc tiến đầu tư có chọn lọc; kiên trì tìm kiếm và quyết liệt để thu hút các nhà đầu tư lớn, có năng lực tài chính, kinh nghiệm; các dự án lớn, chất lượng, hiệu quả, tạo hiệu ứng tốt cho môi trường đầu tư. Nâng cao chất lượng các dự án mới, theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật, nâng cao sức cạnh tranh bền vững cho công nghiệp trong quá trình hội nhập.

Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư cả về nội dung và phương thức thực hiện xúc tiến đầu tư. Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, không chạy

theo số lượng, đặc biệt quan tâm đến xúc tiến đầu tư tại chỗ, chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư mới thông qua các nhà đầu tư đã đầu tư trên địa bàn, hỗ trợ các nhà đầu tư trên địa bàn mở rộng sản xuất và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện. Duy trì đối thoại thường xuyên với các nhà đầu tư nhằm phát hiện và hỗ trợ kịp thời, hiệu quả các doanh nghiệp đang hoạt động để tạo niềm tin của Nhà đầu tư vào môi trường và chính sách đầu tư của tỉnh qua đó tranh thủ mời gọi các nhà đầu tư mới. Tập trung hỗ trợ các dự án lớn tỉnh đang mời gọi đầu tư đã ký biên bản ghi nhớ với tỉnh để đảm bảo việc triển khai thuận lợi và đúng các nội dung đã cam kết với nhà đầu tư.

Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư: Trong đó tập trung hoàn thiện phần mềm xúc tiến đầu tư, xây dựng các ấn phẩm tài liệu giới thiệu chi tiết, chuyên sâu về các khu công nghiệp, bổ sung và cập nhật thường xuyên cho các ấn phẩm tài liệu xúc tiến đầu tư chung của tỉnh. Phối hợp với cơ quan truyền thông, báo chí xây dựng các chương trình, bài viết giới thiệu về môi trường đầu tư, định hướng thu hút đầu tư của tỉnh.

Hợp tác có hiệu quả và chặt chẽ với các cơ quan có chức năng xúc tiến đầu tư để mở rộng các hoạt động quan hệ hợp tác trong hoạt động xúc tiến đầu tư như: Cục Đầu tư nước ngoài, Vụ kinh tế đối ngoại, Vụ quản lý khu kinh tế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Ban quan hệ quốc tế (Bộ ngoại giao) và các tổ chức hợp tác quốc tế như Jica; Jetro; Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, các đơn vị tư vấn trong và ngoài nước, tiếp cận trực tiếp để mời gọi các nhà đầu tư từ các quốc gia phát triển.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để huy động các nguồn lực xã hội trong hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư và phát triển doanh nghiệp.

Triển khai có hiệu quả chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm do UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chủ động xây dựng lĩnh vực, dự án kêu gọi đầu tư theo từng thời kỳ, giai đoạn phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Nâng cao hiệu quả trong công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong hoạt động xúc tiến đầu tư và phát triển doanh nghiệp.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Các sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức quán triệt các văn bản chỉ đạo điều hành trong lĩnh vực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin và giao tiếp điện tử của tỉnh và cơ quan đơn vị mình. Yêu cầu các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan đơn vị mình. Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ; Hội doanh nữ phổ biến các văn bản chỉ đạo điều hành tới hội viên và cộng đồng doanh nghiệp tỉnh. Thời gian hoàn thành trong tháng 02 năm 2017.

Đài phát thanh, truyền hình, Cổng thông tin điện tử tỉnh có kế hoạch tuyên truyền về các nội dung của Nghị quyết số 01, Đề án và các văn bản chỉ đạo điều hành. Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề,...tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cải thiện, nâng

cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh. Kịp thời biểu dương, khen ngợi những tập thể, cá nhân, có nhiều cố gắng và có thành tích trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch cụ thể thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh năm 2017, trong đó nội dung cần bám sát các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 và có sự liên hệ với các Nghị quyết số 19 của Chính phủ.

2. Giao nhiệm vụ cho cơ quan đầu mối theo dõi các chỉ số thành phần và các cơ quan phối hợp để tập trung cải thiện chỉ số PCI năm 2017 phần đầu duy trì trong топ 10 địa phương đứng đầu

2.1 Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đề xuất giải pháp để năm 2017 xếp hạng 30 trở lên.

2.2 Chỉ số Tiếp cận đất đai

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực;
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì đề xuất các giải pháp để năm 2017 xếp hạng 25 trở lên.

2.3 Chỉ số Tính minh bạch

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Thông tin truyền thông chủ trì đề xuất các giải pháp để tiếp tục duy trì chỉ số này trong топ 10 trong năm 2017.

2.4 Chỉ số Chi phí thời gian

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Nội vụ chủ trì đề xuất các giải pháp để cải thiện chỉ số này trong năm 2017 xếp hạng thứ 30 trở lên.

2.5 Chỉ số Chi phí không chính thức

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Nội vụ.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Nội vụ chủ trì đề xuất các giải pháp để năm 2017 xếp hạng thứ 20 trở lên.

2.6 Chỉ số Tính năng động

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Cơ quan chỉ đạo: Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh;
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Văn phòng UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao văn phòng UBND tỉnh chủ trì đề xuất các giải pháp duy trì thứ hạng trong top 10 trong năm 2017 trở đi.

2.7 Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.
- Cơ quan chịu trách nhiệm chính theo dõi, đánh giá: Sở Công thương.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Công thương chủ trì đề xuất các giải pháp để năm 2017 xếp hạng 20 trở lên.

3.8 Chỉ số Đào tạo lao động

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực.
- Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì đề xuất các giải pháp để năm 2017 xếp hạng 15 trở lên.

3.9 Chỉ số Thiết chế pháp lý

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực;
- Cơ quan chịu trách nhiệm chính theo dõi, đôn đốc, kiểm tra: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Sở Tư pháp chủ trì đề xuất các giải pháp để năm 2017 xếp hạng 15 trở lên.

3.10 Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

a) Chỉ đạo và theo dõi, đánh giá:

- Lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối;
- Cơ quan chịu trách nhiệm chính theo dõi, đánh giá: Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và đơn vị có liên quan.

b) Nhiệm vụ: Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì đề xuất các giải pháp để năm 2017 xếp hạng 30 trở lên.

3. Yêu cầu nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ được giao, phân công đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động, thực hiện báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng quý, một năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu UBND tỉnh, thời gian báo cáo định kỳ trước ngày 15 tháng cuối quý gửi UBND tỉnh đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối theo dõi và tổng hợp, định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động và đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. / *D*

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Phòng TM và CN Việt Nam ;
- CPCT;
- CPVP;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- IPA; HHDN tỉnh;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, *D*

(74b)



Nguyễn Văn Trì